

TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN THÁNG XI NĂM 1997

Đầu tháng XI năm 1997, bão số 5 hoạt động trên vùng biển thuộc Nam Bộ và đi qua đất liền cực nam Nam Bộ, một hiện tượng rất ít xảy ra ở khu vực này, do đó đã gây ra thiệt hại rất nghiêm trọng về người, tàu thuyền, tài sản, kho tàng và mùa màng. Vào những ngày gần cuối tháng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã xảy ra một đợt nóng trái mùa với nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ở một số nơi từ 33,5⁰C đến 36,7⁰C, vượt giá trị kỷ lục trong liệt số liệu đã từng xảy ra trong lịch sử.

Mức nước các sông ở Bắc Bộ và Nam Bộ xuống nhanh; riêng khu vực từ Quảng Ngãi đến Ninh Thuận, có một đợt lũ cao vào đầu tháng.

I - TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Bão số 5 (LINDA 9726): đêm ngày 31-10, một vùng áp thấp trên khu vực nam Biển Đông đã mạnh lên thành ATNĐ (áp thấp nhiệt đới). Hồi 01h ngày 01-11-1997 vị trí tâm ATNĐ ở vào khoảng 8,0 độ vĩ bắc; 115,0 độ kinh đông, cách quần đảo Trường Sa khoảng 350km về phía đông đông nam. Sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm ATNĐ mạnh cấp 6 - cấp 7.

ATNĐ phát triển rất nhanh thành bão. Hồi 13h ngày 01-11, vị trí tâm bão ở vào khoảng 7,9 độ vĩ bắc; 111,9 độ kinh đông; sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm bão mạnh cấp 8, giật trên cấp 8. Bão di chuyển ổn định theo hướng giữa tây và tây tây bắc, tốc độ di chuyển nhanh từ 25 đến 30km/h. Trong quá trình di chuyển, bão đã mạnh lên rất nhanh, sang ngày 02, bão có sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm đạt tới cấp 9, cấp 10, giật trên cấp 10. Chiều tối ngày 02, bão đã đi vào địa phận Bạc Liêu - Cà Mau và ảnh hưởng trực tiếp đến các tỉnh miền tây Nam Bộ và nam Nam Trung Bộ. Sau khi đi vào đất liền nước ta, bão tiếp tục di chuyển theo hướng tây tây bắc và tây bắc, sang vịnh Thái Lan (hình 1).

Do ảnh hưởng của bão, thiệt hại trên biển và đất liền về người, của cải và hoa màu ở khu vực Nam Bộ cực kỳ to lớn.

b) Không khí lạnh:

Trong tháng có 2 đợt không khí lạnh ảnh hưởng trực tiếp đến các tỉnh thuộc Bắc Bộ và phía bắc Trung Bộ vào ngày 16 và 29. Nhiệt độ sau 24h giảm từ 5 đến 8⁰C; gió đông bắc trên đất liền mạnh cấp 3, cấp 4, ngoài khơi mạnh cấp 6, cấp 7. Trời chuyển rét.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi có nền nhiệt độ cao hơn TBNN từ 0,6 đến 2,4⁰C; đặc biệt, nhiều nơi thuộc khu vực từ Quảng Bình trở ra cao hơn từ 1,3 đến 2,4⁰C.

Nơi có nhiệt độ thấp nhất là Sơn Hồ (Lai Châu): 7,3⁰C xảy ra ngày 5.

Nơi có nhiệt độ cao nhất là Cửa Rào (Nghệ An): 36,7⁰C xảy ra ngày 25.

3. Tình hình mưa

Hầu hết các nơi thuộc Nam Bộ có lượng mưa tháng cao hơn TBNN, còn các nơi khác thấp hơn.

Nơi có lượng mưa tháng cao nhất là Trà My (Quảng Nam): 631mm (-285mm).

Một số nơi thuộc vùng núi Bắc Bộ như Sông Mã, Cò Nòi (Sơn La) không mưa (-91mm).

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có số giờ nắng cao hơn TBNN. Nơi có số giờ nắng cao nhất là Play Cu (Gia Lai): 261 giờ (+ 63giờ). Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Hà Giang 111giờ (+3 giờ).

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Thời tiết ở các tỉnh thuộc Bắc Bộ và Trung Bộ nhìn chung thuận lợi đối với sản xuất nông nghiệp. Riêng các tỉnh thuộc Nam Bộ, do ảnh hưởng trực tiếp của bão số 5, lúa và hoa màu đã bị thiệt hại nghiêm trọng.

II - TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Bắc Bộ

Mức nước các sông ở Bắc Bộ xuống nhanh, cao nhất vào ngày đầu tháng và thấp nhất vào ngày cuối tháng. Lưu lượng nước đến hồ Hoà Bình lớn nhất $1500\text{m}^3/\text{s}$, nhỏ nhất $780\text{m}^3/\text{s}$, trung bình $1060\text{m}^3/\text{s}$, hụt mức TBNN 14%. Mức nước hồ Hoà Bình dao động trong khoảng từ 115,7m đến 116,4m. Mức nước sông Hồng tại trạm Hà Nội: cao nhất 5,13m, thấp nhất 3,45m, trung bình 4,01m, thấp hơn trung bình nhiều năm khoảng 0,8m. Mức nước sông Thái Bình tại trạm Phả Lại chịu ảnh hưởng thủy triều, dao động trong khoảng từ 0,7m đến 1,8m.

2. Trung Bộ

Đầu tháng XI, các sông từ Quảng Ngãi đến Ninh Thuận có một đợt lũ cao. Mức nước đỉnh lũ hạ lưu các sông trong khu vực này ở mức trên dưới báo động ba (MBĐIII): tại trạm Vệ trên sông Vệ 5,17m (ngày 04), vượt MBĐ III 107cm; tại trạm Thạch Hoà trên sông Côn 8,11m (ngày 04), vượt MBĐIII 61cm; tại trạm Ninh Hoà trên sông Cái 5,38m (ngày 02), vượt MBĐ III 38cm; tại trạm Đông Tráng trên sông Cái (Nha Trang) 11,21m (ngày 02), vượt MBĐIII 121cm. Đến cuối tháng, mức nước các sông ở Trung Bộ đều xuống thấp, hạ lưu chịu ảnh hưởng thủy triều.

3. Nam Bộ

Mức nước sông Tiền, sông Hậu xuống nhanh. Mức nước cao nhất ngày 30 tháng XI tại trạm Tân Châu 2,11m, tại trạm Châu Đốc 1,93m, dưới MBĐ một và thấp hơn mức nước cùng kỳ năm 1996 từ 1,1m đến 1,2m.

III- TÌNH HÌNH HẢI VĂN

1. Gió và sóng

- Vùng biển phía bắc : Hướng gió chủ yếu là đông bắc và bắc. Ven bờ tốc độ gió trung bình 4-6m/s (cấp 3- cấp 4). Ngoài khơi gió mạnh nhất 19-21m/s (cấp 8 - cấp 9). Hướng sóng chủ yếu là đông bắc. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,25 - 0,50m (cấp II). Ngoài khơi sóng cao nhất 5,0 - 6,0m (cấp VI - cấp VII).

-Vùng biển phía nam: Hướng gió chủ yếu là đông bắc. Ven bờ tốc độ gió trung bình 5-7m/s (cấp 3- cấp 4). Ngoài khơi Vũng Tàu, Trường Sa gió mạnh nhất 25 - 27 m/s (cấp 10), riêng tại trạm khí tượng hải văn Côn Đảo có gió giật 42m/s (cấp 14). Hướng sóng chủ yếu là đông bắc. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,50 - 0,75m (cấp II- cấp III). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa sóng cao nhất 5,0 - 6,0m (cấp VI -cấp VII).

2. Nhiệt độ nước biển

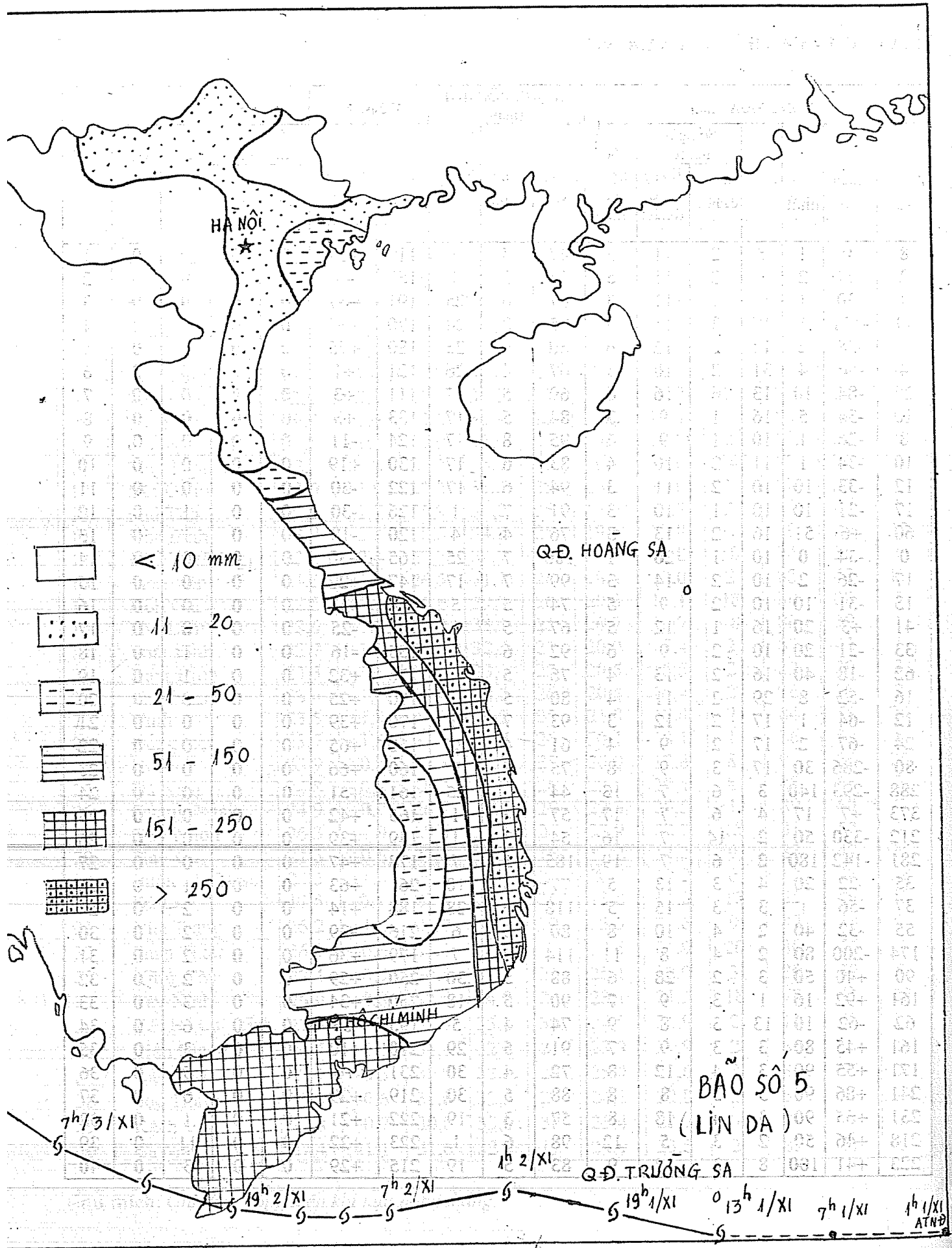
ĐẶC TRUNG MỘT SỐ YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG

Số thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ (°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Thấp nhất	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	20,9	+0,4	26,7	33,1	15	18,1	14,6	2	87	51	25
2	Điện Biên	20,3	+1,2	27,4	30,6	16	16,8	13,4	2	87	48	2
3	Sơn La	19,6	+1,4	26,3	30,3	14	15,3	10,8	2	77	32	29
4	Sa Pa	14,2	+1,8	17,8	22,1	23	12,0	11,6	30	85	44	27
5	Lào Cai	21,7	+1,5	26,8	33,2	25	18,8	15,6	27	84	34	26
6	Yên Bái	22,1	+1,7	26,7	32,4	25	19,3	14,4	2	84	41	1
7	Hà Giang	21,6	+1,4	26,7	31,8	25	18,4	14,4	3	88	41	1
8	Tuyên Quang	22,6	+2,3	27,5	34,3	25	20,3	14,2	2	79	37	5
9	Lạng Sơn	19,9	+1,6	25,2	30,9	25	16,6	10,4	2	80	35	1
10	Cao Bằng	20,1	+1,4	25,9	32,6	25	16,6	11,0	2	80	34	1
11	Thái Nguyên	22,8	+2,2	27,2	34,0	25	19,9	14,0	14	77	37	1
12	Bắc Giang	23,0	+1,9	27,2	33,5	25	20,1	14,6	2	80	36	1
13	Phú Thọ	22,5	+1,7	26,9	33,0	25	19,6	14,7	2	79	40	1
14	Hòa Bình	23,0	+2,3	28,5	34,8	25	19,6	13,8	2	79	36	27
15	Hà Nội (Láng)	23,8	+2,4	27,8	34,7	25	21,1	16,8	18	74	34	1
16	Tiên Yên	21,5	+1,6	26,5	31,1	28	18,4	12,0	2	83	43	17
17	Hòn Gai	22,8	+1,7	26,6	29,7	26	20,3	16,1	18	80	38	5
18	Phù Liên	23,0	+1,7	27,2	33,1	25	20,7	15,7	18	80	39	1
19	Thái Bình	22,7	+1,6	27,0	32,5	25	20,0	15,4	2	87	42	1
20	Nam Định	23,3	+1,5	27,6	33,1	25	20,5	15,5	2	82	39	3
21	Thanh Hóa	23,4	+1,0	27,4	33,2	26	20,4	16,4	2	76	37	2
22	Vinh	23,5	+1,9	27,0	34,2	25	21,0	17,4	2	84	51	25
23	Đông Hới	23,7	+1,3	27,1	32,7	26	20,1	18,1	1	86	52	5
24	Huế	23,9	+0,8	28,3	34,3	25	20,9	17,8	8	91	56	25
25	Đà Nẵng	24,8	+0,8	28,2	31,9	26	22,5	20,4	8	88	63	7
26	Quảng Ngãi	24,9	+0,7	26,7	31,6	26	22,3	20,5	1	89	60	7
27	Quy Nhơn	26,3	+1,0	29,5	33,7	27	23,9	22,2	15	83	52	7
28	Plây-Cu	21,3	+0,6	27,8	30,2	16	17,2	14,3	9	83	47	15
29	Buôn Ma Thuột	23,5	+1,0	29,1	31,9	28	20,5	19,2	6	82	38	28
30	Đà Lạt	17,5	-0,1	22,9	25,4	26	13,8	11,2	15	85	45	17
31	Nha Trang	26,2	+1,2	29,2	30,9	29	23,5	21,6	9	82	58	7
32	Phan Thiết	26,9	+0,6	31,1	32,9	4	23,5	21,9	20	80	55	4
33	Vũng Tàu	27,4	+0,5	30,4	31,5	21	25,1	22,9	3	80	59	5
34	Tây Ninh	26,9	+0,8	32,4	34,0	26	23,1	21,5	18	78	45	25
35	T.P. Hồ Chí Minh	27,9	+1,5	32,9	35,4	30	24,8	22,9	2	77	43	29
36	Tiền Giang	26,7	+0,1	31,1	32,9	21	23,9	21,9	2	86	x	x
37	Cần Thơ	27,1	+0,3	30,9	32,5	29	25,0	23,6	8	84	56	29
38	Sóc Trăng	27,0	+0,6	31,0	32,5	27	24,1	22,8	2	85	50	20
39	Rạch Giá	27,8	+0,7	30,8	33,0	30	25,4	23,7	3	79	51	6
40	Cà Mau	27,4	+1,1	31,6	32,9	17	24,9	23,5	2	83	57	5

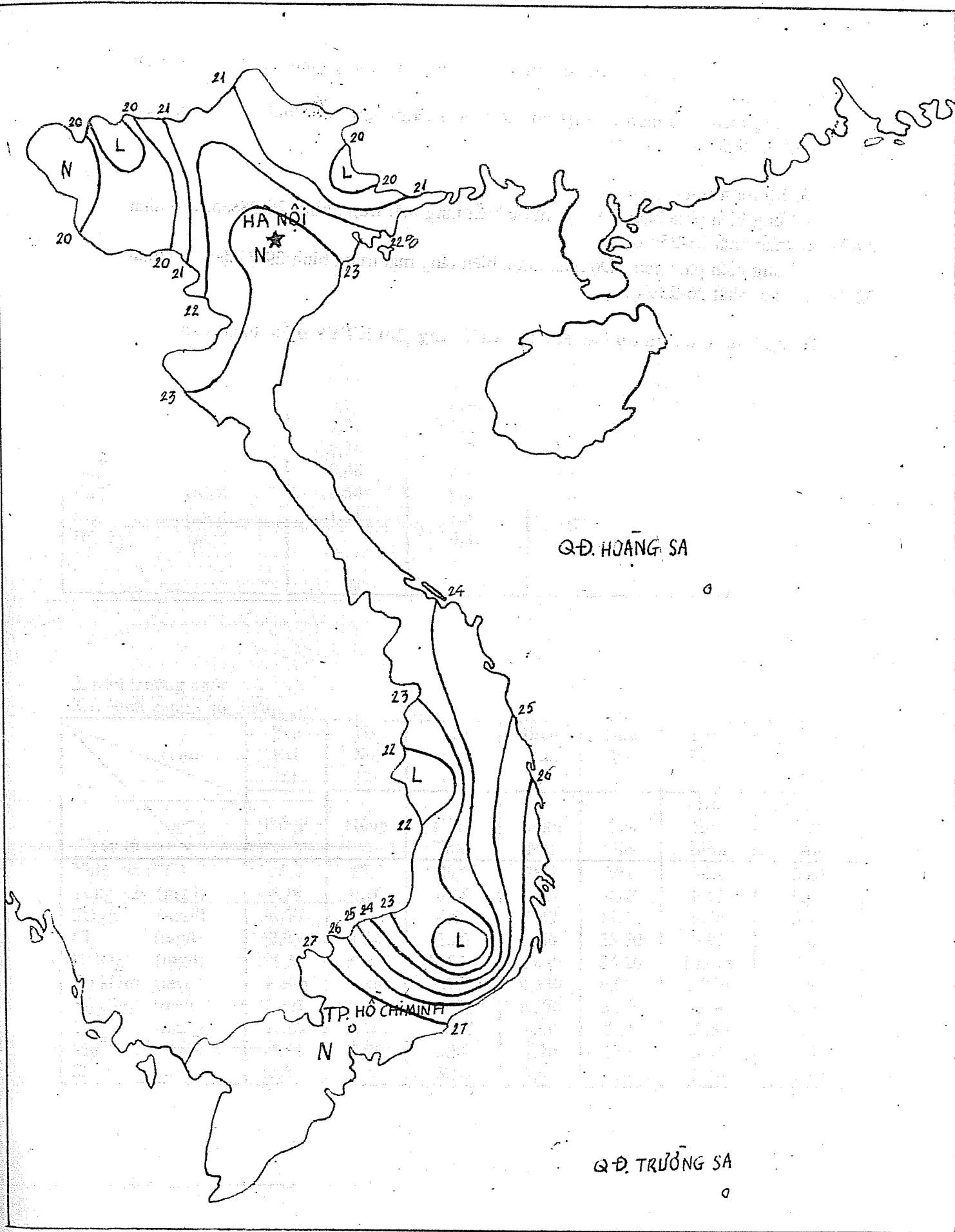
Chú thích: Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng

CỦA CÁC TRẠM THÁNG XI NĂM 1997

LƯỢNG MƯA (mm)						LƯỢNG BỐC HƠI (mm)			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự	
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Gió tây khô nóng		Đông		Mưa phùn
				Có mưa dài nhất	Không mưa dài nhất							Nhe	Mạnh			
8	-45	1	8	2	11	3	47	3	1	117	-19	0	0	0	0	1
2	-24	2	2	2	11	5	66	3	1	152	+1	0	0	0	0	2
4	-30	1	17	1	11	3	87	6	25	191	+37	0	0	0	0	3
11	-111	1	17	3	11	9	75	8	24	170	+65	0	0	0	4	4
17	-38	2	14	2	12	6	60	4	25	180	+75	0	0	1	0	5
4	-56	4	31	2	10	5	67	4	26	121	+1	0	0	0	2	6
20	-84	10	13	6	16	6	69	5	17	111	+3	0	0	0	0	7
10	-34	5	16	1	9	3	84	5	17	133	+3	0	0	0	0	8
8	-26	1	10	1	9	4	95	8	17	124	-11	0	0	0	0	9
10	-34	1	11	2	10	4	83	6	17	130	+19	0	0	0	0	10
12	-33	10	10	2	11	3	94	6	17	122	-30	0	0	0	0	11
17	-21	10	10	1	10	3	91	7	1	126	-30	0	0	1	0	12
60	+6	51	16	2	13	3	76	4	4	120	-18	0	0	1	0	13
0	-54	0	10	1	20	1	100	7	25	165	+30	0	0	0	0	14
17	-26	2	10	2	14	3	99	7	17	147	+22	0	0	0	0	15
13	-31	10	10	2	9	5	74	5	5	134	x	0	0	0	0	16
41	+3	20	16	1	12	5	67	5	1	142	-25	0	0	0	0	17
33	-21	20	10	2	9	6	92	6	1	135	-16	0	0	1	0	18
62	-18	40	16	2	13	4	76	5	4	176	+32	0	0	1	0	19
16	-52	8	29	2	11	4	80	5	16	170	+25	0	0	0	0	20
12	-64	1	17	2	12	3	93	7	2	170	+39	0	0	0	0	21
24	-67	2	17	2	9	4	61	4	25	160	+65	0	0	0	0	22
80	-286	30	17	3	9	8	75	6	5	160	+66	0	0	0	0	23
288	-293	140	3	6	7	13	44	3	25	161	+51	0	0	0	0	24
373	+7	17	4	6	7	17	57	4	1	165	+42	0	0	0	0	25
212	-330	50	2	14	7	16	54	3	1	149	+39	0	0	0	0	26
281	-142	180	2	6	7	19	185	5	7	178	+47	0	0	0	0	27
35	-22	20	4	3	13	5	77	3	10	261	+63	0	0	1	0	28
37	-56	1	3	3	15	5	118	6	28	188	+14	0	0	2	0	29
55	-32	40	2	4	10	8	80	5	6	216	+39	0	0	2	0	30
174	-200	80	2	4	8	11	114	8	7	179	+36	0	0	2	0	31
90	+40	50	3	2	28	6	88	5	30	250	+29	0	0	2	0	32
161	+92	16	1	3	9	7	90	5	18	250	+34	0	0	3	0	33
62	-62	10	13	3	8	9	74	4	5	195	-33	0	0	6	0	34
161	+45	80	3	3	9	7	91	5	29	210	+10	0	0	3	0	35
171	+55	90	3	4	12	8	72	4	30	231	+6	0	0	5	0	36
241	+86	90	3	3	8	8	88	5	30	219	+29	0	0	6	0	37
231	+65	90	3	4	18	8	57	3	19	222	+21	0	0	1	0	38
218	+46	50	2	3	5	12	98	6	1	223	+22	0	0	11	0	39
223	+41	100	8	3	12	9	83	5	19	215	+29	0	0	3	0	40



Hình 1. Bản đồ lượng mưa tháng XI năm 1997



Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng XI năm 1997

- Vùng biển phía bắc: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 24-26°C, cao nhất 27-29°C, thấp nhất 21-23°C.
- Vùng biển phía nam : Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 27 - 29°C, cao nhất 30- 32 °C, thấp nhất 24 - 26 °C.

3. Độ mặn nước biển

- Vùng biển phía bắc: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 26-28‰, cao nhất 29-31‰, thấp nhất 23-25‰.
- Vùng biển phía nam: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 29-31‰, cao nhất 32-34‰, thấp nhất 26-28‰.

Trung tâm quốc gia dự báo KTTV và Trung tâm KTTV biển biên soạn

